

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thúy Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Kha.

Bà Nguyễn Bích Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với:

*** Các bị cáo:**

- Họ và tên: **Lương Thị N**, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1991 tại **huyện T, tỉnh Quảng Ninh**; Nơi thường trú: **thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lương Văn C** và bà **Trần Thị L**; có chồng **Tô Văn Q** và 03 con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 22/12/2023, hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt.

- Họ và tên: **Bé Thị B**, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1974 tại **huyện H, Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **thôn A, xã Q, huyện H, Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phùng Tàu P** (đã chết) và bà **Bé Thị T**; có chồng là **Đinh Khắc T1** và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 20/12/2023, tạm giữ đến ngày 29/12/2023. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt.

- Họ và tên: **Đoàn Thị H**, sinh ngày 13/01/1964 tại **thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **tổ E, khu E, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi ở hiện nay: **khu phố L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do;

trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị T2 (đều đã chết); có chồng là Phạm Sỹ N1 (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 02/01/2024, hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt.

- Họ và tên: Lê Đức T3, sinh ngày 15/3/1977 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi thường trú: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc D1 (đã chết) và bà Phạm Thị T4; có vợ là Phạm Thị N2 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/12/2023. hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Phạm Thị T6, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Cháu Lê Khắc C1, sinh ngày 25/02/2007, vắng mặt.

- Cháu Đinh Trung K, sinh ngày 11/4/2007, vắng mặt.

- Anh Trương Văn S, sinh năm: 1973, vắng mặt.

- Anh Phạm Kiều H1, sinh năm: 1977, vắng mặt.

*** Người đại diện hợp pháp của người làm chứng.**

- Ông Lê Khắc S1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982. (bố mẹ cháu Lê Khắc C1), vắng mặt.

- Ông Đinh Quang T7, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1982 (bố, mẹ cháu Đinh Trung K), vắng mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn kiếm thêm thu nhập, Bé Thị B nảy sinh ý định tự ghi lô đề cho khách đến đánh bạc, và nhận bảng lô đề của Lê Đức T3, Đoàn Thị H, Phạm Thị T6 (sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã Q, huyện H), Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1980, trú tại khu

Q, thị trấn Q, huyện H) rồi chuyển bảng cho Lương Thị N để hưởng tiền hoa hồng. Hình thức ghi số lô, đề và đối chiếu kết quả như sau:

Về đánh đề: Người chơi chọn một hoặc nhiều số có hai số bất kỳ từ 00 đến 99, một chấm đề tương ứng với số tiền 1.000 đồng. Nếu số đã chọn trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết Miền B trong ngày chơi đó thì trúng thưởng theo tỷ lệ một gấp tám mươi lần.

Về đánh lô: Người chơi chọn một hoặc nhiều số có hai số bất kỳ từ 00 đến 99, mỗi điểm lô sẽ thu của khách 23.000 đồng. Nếu số đã chọn trùng với hai số cuối của toàn bộ các giải trong hệ thống giải thưởng của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày chơi đó, thì trúng thưởng theo tỷ lệ một điểm trúng được tám mươi nghìn đồng.

Về lô xiên 2, xiên 3: khách chơi chọn 02 số có 02 chữ số từ 00 đến 99 thành các bộ và các bộ số này được so với 02 số cuối của các giải thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày chơi đó, nếu trùng cả bộ khách sẽ thắng theo tỷ lệ một điểm được nhân 10 lần nếu là xiên 2 và nhân 40 lần nếu là xiên 3.

Về ba càng, khách chọn một hoặc nhiều số có ba số bất kỳ từ 000 đến 999, nếu số đã chọn trùng với ba chữ số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết Miền B trong ngày chơi đó thì trúng thưởng theo tỷ lệ một gấp 400 lần. Nếu chỉ có 02 số cuối trùng với số ba càng mà khách đánh thì sẽ là “áp mạn”, khách chơi sẽ được nhận gấp 10 lần số tiền đánh.

Sau khi ghi lô đề cho khách thì T3, H, T6, T5 sẽ chuyển bảng lô đề cho B, sau đó B lại chuyển tiếp các bảng trên cùng bảng của B cho N, tất cả đều thông qua ứng dụng Zalo. N sẽ trả cho B tiền hoa hồng là 1.200 đồng/01 điểm lô và 17% đối với số đề, ba càng, lô xiên (nghĩa là khách đánh 100.000 đồng thì được 17.000 đồng). Tiếp đó B sẽ trả cho T3, H, T6, Tiền tiền hoa hồng là 1.000 đồng/01 điểm lô và 15% đối với số đề, ba càng, lô xiên. N nhận bảng rồi đối chiếu kết quả, sau đó sẽ thanh toán cho B, còn B lại tiếp tục thanh toán cho T3, H, T6, T5.

Ngày 20/12/2023, tại nhà Lê Đức T3 thuộc khu G, thị trấn Q, huyện H, T3 nhận ghi lô đề cho nhiều khách vắng lai khác nhau (không xác định được tên tuổi, địa chỉ) được số tiền 790.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 55 phút cùng ngày, Đinh Trung K và Lê Khắc C1 (cùng sinh năm 2007, trú tại thôn H, xã Q, huyện H) đến hỏi mua số lô, đề thì T3 đồng ý và ngồi xuống bàn ghi. Đinh Trung K ghi 03 đầu số “0”, “7”, “8” mỗi đầu số 1.000.000đ (một triệu đồng), tổng tiền K đưa cho T3 là 3.000.000 đồng; tiếp theo Lê Khắc C1 hỏi ghi 02 số lô “25”, “52” mỗi số 50 điểm (tương ứng với mỗi số là 1.150.000 đồng), tổng tiền Chiến đưa cho T3 là 2.300.000 đồng. T3 ghi những số lô, đề của K và C1 vào 01 tờ giấy của 01 quyển vở rồi xé 02 mảnh giấy từ quyển vở trên đưa cho K và C1. Sau đó T3 chụp lại bảng số lô đề đã ghi được và gửi cho Bé Thị B. Khi T3, K, C1 đang trao đổi thì lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên người T3 số tiền 5.300.000đ, 01 quyển vở và 01 điện thoại di động, thu giữ trên tay K và C1 mỗi người 01 mảnh giấy (là tờ phơ ghi số lô, đề của T3

ghi cho **K** và **C1**). Như vậy, trong ngày 20/12/2023 **T3** đã gửi bảng lô đề cho **Bé Thị B** với tổng số tiền đánh bạc là 6.090.000 đồng.

Trên cơ sở lời khai của **T3**, đến 19 giờ 30 ngày 20/12/2023, cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở **B** thuộc thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với **Bé Thị B**, thu giữ: 04 quyển sổ, 19 tờ giấy A4 bên trên có ghi các con số, 01 máy tính tiền, 02 điện thoại di động, số tiền 1.300.000 đồng và 01 căn cước công dân của **Bé Thị B**. Lúc này ngoài nhận bằng của **T3**, **B** còn nhận bằng của **H**, **T6**, **T5** với số tiền như sau:

Bảng của **Đoàn Thị H**: **H** đã nhận ghi lô đề cho nhiều người khách lạ mặt (không xác định được lai lịch) tại nhà trọ của **H** thuộc khu L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh với tổng số tiền lô là: 635 điểm = 14.605.000 đồng, tổng số tiền đề, ba càng, xiên là: 2.065.000 đồng. Tổng số tiền **H** chuyển bằng lô đề cho **Bé** trong ngày 20/12/2023 là 16.670.000 đồng. Đến ngày 02/01/2024, **H** đến Công an huyện H đầu thú, giao nộp lại toàn bộ số tiền trên cùng 01 tờ giấy ghi bằng số lô đề ngày 20/12/2023 (còn lại 01 tờ đã bị thất lạc).

Bảng của **Phạm Thị T6**: **T6** đã nhận ghi lô, đề của nhiều người khách lạ mặt (không xác định được lai lịch) với tổng số tiền lô là: 45 điểm = 1.035.000 đồng; tổng số tiền đề là 1.350.000 đồng. Tổng số tiền **T6** chuyển bằng lô đề cho **B** trong ngày 20/12/2023 là 2.335.000 đồng. Ngày 02/01/2024, **T6** đến Công an huyện H trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm, đồng thời tự nguyện giao nộp lại số tiền 2.335.000 đồng.

Bảng của **Nguyễn Văn T5**: **T5** đã nhận ghi lô đề cho nhiều người khách lạ mặt (không xác định được lai lịch) với tổng số tiền lô là: 20 điểm = 460.000 đồng; tổng số tiền đề, ba càng là 630.000 đồng. Tổng số tiền của bằng lô đề **T5** gửi cho **B** trong ngày 20/12/2023 là 1.090.000 đồng. Cùng ngày, khi **T5** nghe tin **B** bị bắt nên đã đến Công an huyện H trình diện, tự nguyện giao nộp lại 02 tờ giấy ghi nội dung bằng lô đề ngày 15/12/2023 và 20/12/2023, số tiền 1.265.000 đồng (trong đó có 1.090.000 đồng là tiền đánh bạc trong ngày 20/12/2023 của **T5**). Quá trình điều tra còn xác định được trong ngày 15/12/2023, **T5** còn ghi lô đề cho khách (không xác định được lai lịch) 200.000 đồng để chuyển cho **B** (Lúc này **B** không chuyển cho **N**), không có số nào trùng nên tổng tiền đánh bạc ngày 15/12/2023 của **B** và **T5** là 200.000 đồng.

Bảng của **Bé Thị B**: **Bé** tự mình nhận ghi lô đề cho nhiều người khách lạ mặt (không xác định được lai lịch) với tổng số tiền 7.360.000 đồng.

Sau đó **B** đã chuyển bằng lô đề cho **Lương Thị N**. Đối chiếu với bảng kết quả Xổ số Kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày 20/12/2023, xác định có các số trúng thưởng như sau: Tại bằng của **Đoàn Thị H** có các số trúng là số lô 30 – 10 điểm (tương ứng với 800.000 đồng), lô 30 – 20 điểm (tương ứng với 1.600.000 đồng), lô xiên 23, 89 – 50.000 đồng (tương ứng với 500.000 đồng), tổng số tiền đánh bạc của **Đoàn Thị H** là 19.570.000 đồng. Tại bằng lô đề của **Bé Thị B** trực tiếp ghi cho khách trúng số lô 87 – 15 điểm (tương ứng với 1.200.000 đồng), lô 99 – 05 điểm (tương ứng với 400.000

đồng), lô 55 – 05 điểm (tương ứng với 400.000 đồng). Bảng của T6, T5 không có số trúng. Riêng đối với bảng lô đề của Lê Đức T3 đã bị bắt, ngăn chặn trước khi có kết quả mở thưởng nên không tính kết quả thắng thua. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 20/12/2023 (sau khi có kết quả mở thưởng) của Bé Thị B và Lương Thị N là 38.445.000 đồng, trong đó số tiền bán lô đề cho khách là 33.545.000 đồng, tiền số lô, đề khách trúng là 4.900.000 đồng. Đến ngày 22/12/2023, N đến công an huyện H đầu thú.

Vật chứng gồm: 02 mảnh giấy và 01 quyển sổ ghi các số lô đề (thu giữ khi bắt quả tang Lê Đức T3), 02 tờ giấy ghi bảng đề (do Nguyễn Văn T5 giao nộp) lưu trong hồ sơ vụ án chuyển theo hồ sơ. Toàn bộ các vật chứng còn lại chuyển Chi cục Thi hành án dân sự theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đức T3, Đoàn Thị H, Bé Thị B, Lương Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận những ngày trước có ghi lô đề, riêng Bé Thị B còn khai nhận có thời gian chuyển bảng cho Trương Văn S nhưng không xác định được người mua, số tiền cụ thể.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T5 và chị Phạm Thị T6 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng, người đại diện hợp pháp của người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại đơn xin vắng mặt đã trình bày như sau:

Chị Phạm Thị T6 trình bày: ngày 20/12/2023, chị đã ghi số lô, đề của nhiều người, sau đó tập hợp và chuyển bảng số lô, đề cho bị cáo Bé Thị B với tổng số tiền lô là: 2.335.000đ. Quá trình điều tra chị T6 đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 2.335.000đ là tiền do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có. Đối với số tiền này chị đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Anh Nguyễn Văn T5 trình bày: ngày 20/12/2023, anh đã ghi số lô, đề của nhiều người sau đó tập hợp thành bảng chuyển cho bị cáo Bé Thị B với tổng số tiền là 1.090.000đ. Sau khi bị phát hiện, anh đã đến cơ quan Công an huyện H tự nguyện giao nộp 02 mảnh giấy có ghi số lô, đề, số tiền 1.265.000đ và 02 điện thoại di động. Thấy rằng, anh chỉ đánh bạc với Bé Thị B với số tiền 1.090.000đ và sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG gắn sim số 0374.856.554 vào việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.090.000đ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, gắn sim số 0374.856.554. Đối với số tiền 175.000đ còn lại và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, gắn sim số: 0353.510.428 không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật thì anh đề nghị Hội đồng xét xử trả cho anh.

Quá trình điều tra, Người làm chứng là Lê Khắc C1 và Đinh Trung K trình bày: khoảng 17 giờ 50 phút, ngày 20/12/2023, Lê Khắc C1 cùng Đinh Trung K cùng nhau vào quán sửa xe máy của Lê Đức T3. Tại đây, K mua 03 đầu số đề: “0 – 7 -8” mỗi

đầu số 1.000.000đ, T3 đồng ý và nhận của K 3.000.000đ. Sau đó C1 cũng mua của T3 02 số lô “25 – 52”, mỗi số 50 điểm, T3 đồng ý và nhận của K số tiền 2.300.000đ. Sau đó T3 xé 02 mảnh giấy ra ghi các số lô, đề rồi đưa cho K và C1 thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện, bắt giữ, thu giữ của T3 số tiền 5.300.000đ và 02 mảnh giấy ghi số lô, đề.

Anh Trương Văn S trình bày: khoảng từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2023, Bé Thị B chuyển bảng số lô đề cho anh, nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng chi trả nên anh không nhận bảng lô, đề của Bé Thị B nữa.

Anh Phạm Kiều H1 trình bày: khoảng 17 giờ 55 phút, ngày 20/12/2023, tại quán sửa xe máy của Lê Đức T3, anh thấy tổ công tác Công an huyện H kiểm tra, phát hiện Lê Đức T3 có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, đề cho Đinh Trung K và Lê Khắc C1, tạm giữ của T3 số tiền 5.300.000đ, 1 quyển vở ghi, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, 02 mảnh giấy ghi số lô, đề.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSHH ngày 15/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà truy tố các bị cáo Lương Thị N, Bé Thị B, Đoàn Thị H, Lê Đức T3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (riêng các bị cáo Lê Đức T3, Đoàn Thị H, Lương Thị N được áp dụng khoản 2 Điều 51); Điều 17, Điều 58, khoản 1,2,5 Điều 65 BLHS xử phạt :

+ bị cáo Lương Thị N từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng về tội “Đánh bạc”.

+ bị cáo Bé Thị B từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng về tội “Đánh bạc”.

+ bị cáo Đoàn Thị H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội “Đánh bạc”.

+ bị cáo Lê Đức T3 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “Đánh bạc”

Giao bị cáo Lương Thị N cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Bé Thị B cho UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Đoàn Thị H cho phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lê Đức T3 cho UBND thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0979.347.099 của **Lê Đức T3**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao 0343.213.042 của **Bé Thị B**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng, gắn sim số 0374.856.554 của **Nguyễn Văn T5**. Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính cầm tay, bên ngoài in dòng chữ “Deli” và 03 sim điện thoại trong các điện thoại trên.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 5.300.000 đồng của **Lê Đức T3**; Số tiền 1.300.000 đồng của **Bé Thị B**; Số tiền 16.670.000 đồng của **Đoàn Thị H**; Số tiền 2.335.000 đồng của **Phạm Thị T6**; Số tiền 1.090.000 đồng của **Nguyễn Văn T5**.

Chuyển lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01 quyển sổ, bìa in chữ “BABY NOTEBOOK”, 01 sổ bìa in chữ “Sổ theo dõi khách và phương tiện ra vào công trường” bên trong có ghi chữ và số, 01 quyển sổ bìa in chữ “Vở vẽ lò xo A4” bên trong có ghi chữ và số, 01 quyển sổ màu đen, bên trong có 16 tờ in chữ và số và 19 tờ giấy A4 bên trên có ghi các con số của **Bé Thị B** và 01 quyển sổ tay có bìa màu xanh, bên ngoài in chữ “NOTE BOOK OFFICE A5”, bên trong có 01 trang giấy ghi chữ và số đã bị xé rời của **Đoàn Thị H**

Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu xám, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0886.155.816 và 01 căn cước công dân số 022174004744 cho **Bé Thị B**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ, gắn sim số 0353.510.428 và số tiền 175.000 đồng cho **Nguyễn Văn T5**.

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc chưa giao nộp là 790.000 đồng của bị cáo **Lê Đức T3**, 6.060.000 đồng của bị cáo **Bé Thị B**, số tiền 4.900.000 đồng của bị cáo **Lương Thị N**.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Nói lời sau cùng, các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo xác nhận: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: ngày 20/12/2023, tại xã Q và thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, Lương Thị N, Bé Thị B, Đoàn Thị H, Lê Đức T3 có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, đề. Trong đó: số tiền đánh bạc của Lê Đức T3 là 6.090.000 đồng, số tiền đánh bạc của Đoàn Thị H là 19.570.000 đồng; Bé Thị B ngoài nhận bảng lô đề của T3, H còn nhận bảng lô đề của Nguyễn Văn T5, Phạm Thị T6 và ghi số lô đề cho một số khách (không xác định lai lịch, địa chỉ) rồi chuyển bảng lô đề cho Lương Thị N để Lương Thị N thanh toán thắng thua với tổng số tiền đánh bạc là 38.445.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo mặc dù ít nghiêm trọng, nhưng các bị cáo đều là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội tại địa phương. Để đảm bảo việc giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, đưa ra xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[3] Về vai trò, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lương Thị N là người nhận bảng lô, đề, thanh toán tiền thắng thua cho người chơi thông qua Bé Thị B, Đoàn Thị H và Lê Đức T3 nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo Bé Thị B vừa là người nhận bảng số lô đề của Lê Đức T3, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn T5, Phạm Thị T6, vừa là người trực tiếp bán số lô, đề cho khách chơi rồi tập hợp thành bảng gửi cho bị cáo Lương Thị N nên giữ vai trò thứ hai. Các bị cáo Lê Đức T3, Đoàn Thị H là người trực tiếp bán số lô, đề cho khách rồi chuyển bảng cho Bé Thị B để hưởng tiền hoa hồng nên giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Lương Thị N**, **Đoàn Thị H** sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Bị cáo **N** đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo **Lê Đức T3** có bố là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, đồng thời còn là lao động duy nhất do vợ chồng đã ly hôn một mình nuôi con nhỏ; Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo **Lê Đức T3** và **Đoàn Thị H** luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, nghĩa vụ công dân nơi cư trú có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4 Về mức hình phạt đối với các bị cáo:

Căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, việc cho các bị cáo hưởng án treo kèm theo thời gian thử thách không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên căn cứ vào vai trò và số tiền đánh bạc của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt đối với bị cáo **Lương Thị N** và **Bế Thị B** là bằng nhau và cần thiết phải cao hơn 02 bị cáo còn lại; mức hình phạt đối với bị cáo **Đoàn Thị H** cần cao hơn bị cáo **Lê Đức T3**.

- Về hình phạt bổ sung: xét thấy trong vụ án này các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đang áp dụng đối với các bị cáo cần hủy bỏ.

[5] Về vật chứng: đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, gắn sim số 0979.347.099 tạm giữ của **Lê Đức T3**, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng gắn sim số 0343.213.042 của tạm giữ của **Lê Thị B1**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, gắn sim số 0374.856.554 tạm giữ của **Nguyễn Văn T5** là công cụ, phương tiện và tiền các bị cáo và anh **Nguyễn Văn T5** sử dụng vào việc phạm tội, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 5.300.000 đồng tạm giữ của **Lê Đức T3**; Số tiền 1.300.000 đồng tạm giữ của **Bế Thị B**; Số tiền 16.670.000 đồng tạm giữ của **Đoàn Thị H**; Số tiền 2.335.000 đồng tạm giữ của **Phạm Thị T6**; Số tiền 1.090.000 đồng tạm giữ của **Nguyễn Văn T5** là tiền các bị cáo và anh **Nguyễn Văn T5**, chị **Phạm Thị T6** sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 quyển sổ, bìa in chữ: “BABY NOTEBOOK”; 01 quyển sổ bìa in chữ “Sổ theo dõi khách và phương tiện ra vào công trường” bên trong có ghi chữ và số; 01 quyển sổ bìa in chữ “Vở vẽ lò xo A4” bên trong có ghi chữ và số; 01 quyển sổ màu đen bên trong có 16 tờ in chữ và số và 19 tờ giấy A4 bên trên có ghi các con số của **Bế Thị B**; 01 quyển sổ tay bìa màu xanh bên ngoài in chữ “NOTE BOOK OFFICE A5” bên trong có 01 trang giấy ghi chữ và số đã bị xé rời của **Đoàn Thị H** là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chuyển, lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 máy tính cầm tay loại máy tính tiền bên ngoài in dòng chữ “Deli”; 03 sim điện thoại số thuê bao 0343.213.042, 0979.347.099 và 0374.856.554 là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, gắn sim số 0866.155.816 và 01 căn cước công dân của **Bế Thị B** không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA gắn sim số 0353.510.428 và số tiền 175.000đ mà **Nguyễn Văn T5** giao nộp trong quá trình điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội, anh **T5** đề nghị được nhận lại, thấy rằng hành vi của anh **T5** không cấu thành tội phạm, chiếc điện thoại này không phải là vật chứng của vụ án. Do đó cần trả lại những tài sản và giấy tờ tùy thân này cho bị cáo **Bế Thị B** và anh **Nguyễn Văn T5**.

Đối với số tiền các bị cáo **Lê Đức T3**, **Bế Thị B** bán số lô, đề cho khách chơi và **tiền Lương Thị N3** phải thanh toán cho khách thắng là tiền liên quan đến đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Do đó cần truy thu số tiền 790.000 đồng của bị cáo **Lê Đức T3**, 6.060.000 đồng của bị cáo **Bế Thị B**, số tiền 4.900.000 đồng của bị cáo **Lương Thị N3**.

[6] Trong vụ án có **Phạm Thị T6**, **Nguyễn Văn T5**, **Đinh Trung K**, **Lê Khắc C1**, tham gia đánh bạc ngày 20/12/2023 và **Bế Thị B**, **Nguyễn Văn T5** có hành vi đánh bạc ngày 15/12/2023 nhưng thấy rằng số tiền chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, **Công an huyện H** đã ra Quyết định xử phạt hành chính. Đối với những người khách mua số lô đề quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không đề cập xử lý. Đối với **Trương Văn S** có hành vi nhận bằng lô đề của **Bế Thị B** và việc các bị cáo khai các ngày trước có ghi và chuyển bằng lô đề nhưng quá trình điều tra không làm rõ được nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 (riêng bị cáo **Lê Đức T3**, **Lương Thị N3**, **Đoàn Thị H** được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51), Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: các bị cáo **Lương Thị N3**, **Bế Thị B**, **Đoàn Thị H**, **Lê Đức T3** phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo **Lương Thị N3** 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Bế Thị B** 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị H** 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức T3** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Lương Thị N3** cho **UBND xã H**, **huyện T**, **tỉnh Quảng Ninh** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo **Bế Thị B** cho **UBND xã Q**, **huyện H**, **tỉnh Quảng Ninh** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo **Đoàn Thị H** cho **phường C**, **thành phố H**, **tỉnh Quảng Ninh** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo **Lê Đức T3** cho **UBND thị trấn Q**, **huyện H**, **tỉnh Quảng Ninh** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 08/2024/HSST-LCĐKNCT và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 21 đối với **Lương Thị N3**; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09/2024/HSST-LCĐKNCT và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 22 đối với **Bế Thị B**; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10/2024/HSST-LCĐKNCT và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 23 đối với **Đoàn Thị H**; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/2024/HSST-LCĐKNCT và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 24 đối với **Lê Đức T3**.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, của **Lê Đức T3**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu vàng của **Bé Thị B**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng của **Nguyễn Văn T5**. Số tiền 5.300.000 đồng của **Lê Đức T3**; Số tiền 1.300.000 đồng của **Bé Thị B**; Số tiền 16.670.000 đồng của **Đoàn Thị H**; Số tiền 2.335.000 đồng của **Phạm Thị T6**; Số tiền 1.090.000 đồng của **Nguyễn Văn T5**.

Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính cầm tay, bên ngoài in dòng chữ “Deli” và 03 sim điện thoại gồm: 01 sim có số thuê bao 0979.347.099; 01 sim có số thuê bao 0343.213.042; 01 sim số thuê bao 0374.856.554

Chuyển lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01 quyển sổ, bìa in chữ “BABY NOTEBOOK”, 01 sổ bìa in chữ “Sổ theo dõi khách và phương tiện ra vào công trường” bên trong có ghi chữ và số, 01 quyển sổ bìa in chữ “Vở vẽ lò xo A4” bên trong có ghi chữ và số, 01 quyển sổ màu đen, bên trong có 16 tờ in chữ và số và 19 tờ giấy A4 bên trên có ghi các con số của **Bé Thị B** và 01 quyển sổ tay có bìa màu xanh, bên ngoài in chữ “NOTE BOOK OFFICE A5”, bên trong có 01 trang giấy ghi chữ và số đã bị xé rời của **Đoàn Thị H**

Trả lại bị cáo **Bé Thị B** 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu xám, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0886.155.816 và 01 căn cước công dân số 022174004744; Trả lại anh **Nguyễn Văn T5**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ, gắn sim số 0353.510.428 và số tiền 175.000 đồng.

(Vật chứng nêu trên tình trạng như tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H** và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà).

Truy thu của bị cáo **Lê Đức T3** số tiền 790.000đ (bảy trăm chín mươi nghìn đồng);

Truy thu của bị cáo **Lương Thị N3** số tiền 4.900.000đ (bốn triệu chín trăm nghìn đồng);

Truy thu của bị cáo **Bé Thị B** số tiền 6.060.000đ (sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo **Lương Thị N3**, **Bé Thị B**, **Đoàn Thị H**, **Lê Đức T3** mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bị cáo, người được thi hành theo quy định tại §102 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các §106, 107 và 109 Luật thi hành án dân sự; Thêi hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại §110 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Công an huyện Hải Hà;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA Hải Hà;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan;

- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thúy Chính